TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 455/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 11 - 2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Thiều Thị Phi Loan

2/ Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Thị Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 1808/2024/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 399/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông **Lý Minh T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 397, tổ 31, khu 3, ấp Phước Hội, xã Long Hưng, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn**: Bà **Dương Thị L**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 397, tổ 31, khu 3, ấp Phước Hội, xã Long Hưng, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T, bà L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Nguyên đơn ông Lý Minh T trình bày*:**

Ông và bà Dương Thị L quen biết và tìm hiểu lập gia đình với nhau vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Hưng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống với nhau thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt, ông không còn dành tình cảm cho bà L, nên ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 02 con chung là Lý Thị Minh Uyên, sinh ngày 06/10/1997 và Lý Thị Minh Nguyệt, sinh ngày 05/3/2000. Cả 02 con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Dương Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, nợ chung, bà đồng ý với phần trình bày của ông T.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống vợ chồng sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2018 cho đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình dẫn đến mất tình cảm, bất đồng về quan điểm sống, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm tới ai. Nay ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông thì bà đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là Lý Thị Minh Uyên, sinh ngày 06/10/1997 và Lý Thị Minh Nguyệt, sinh ngày 05/3/2000. Cả 02 con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4 nằm trên đất của mẹ chồng nhưng bà không cung cấp tài liệu chứng đối với tài sản trên.

Về vợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa ông T, bà L đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông T; Về con chung, cả 02 con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung, nợ chung ông T trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án**: Ông Lý Minh T khởi kiện về việc "Ly hôn" đối với bà Dương Thị L hiện đang trú tại: Số 397, tổ 31, khu 3, ấp Phước Hội, xã Long Hưng, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Ông T với bà L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2013 tại UBND xã Long Hưng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Ông T và bà L đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn. Điều này chứng tỏ ông T và bà L không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà L mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà L.

[3] **Về con chung**: Ông T và bà L có 02 con chung là Lý Thị Minh Uyên, sinh ngày 06/10/1997 và Lý Thị Minh Nguyệt, sinh ngày 05/3/2000. Cả 02 con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] **Về tài sản chung**: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết tuy nhiên Tòa án đã có văn bản đồng thời làm việc trực tiếp với bà L về việc cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan tới tài sản chung nhưng bà Lê không cung cấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này nếu có tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng thì bà L có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] **Nợ chung**: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] **Về án phí**: Ông Lý Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều Điều 56 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "Ly hôn" của nguyên đơn ông Lý Minh T. Ông Lý Minh T được ly hôn với bà Dương Thị L.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lý Minh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004606 ngày 05/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông T đã nộp xong án phí.

5. Ông Lý Minh T và bà Dương Thị L có quyền kháng cáo trong thời hàn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án DS thành phố Biên Hòa;
- UBND xã Long Hưng (số ĐKKH 29 ngày 20/6/2013);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải